

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỌ XUÂN
TỈNH THANH HÓA**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 45/2019/HS-ST

Ngày 06 - 8 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỌ XUÂN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Tiến

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Thanh Bình

Ông Trịnh Trung Tuyền

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Ngọc Công - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Văn Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa; xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 42/2019/TLST-HS ngày 05 tháng 7 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2019/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 7 năm 2019;

Đối với các bị cáo:

1. **Đỗ Văn L**, sinh ngày 28 tháng 02 năm 1990 tại: xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: khu 1, thị trấn L, huyện T tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn Á và bà Nguyễn Thị L; có vợ là Phạm Thị M; con chưa có; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ ngày 10/4/2019; đến ngày 19/4/2019 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; có mặt.

2. **Nguyễn Mậu T**, sinh ngày 04 tháng 9 năm 1993 tại: xã X, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: thôn 8, xã X, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Mậu K và bà Quách Thị L; có vợ là Ngân Thị H và 01 con; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ ngày 10/4/2019; đến ngày 19/4/2019 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; có mặt.

3. **Trần Văn D**, sinh ngày 06 tháng 7 năm 1982 tại: phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Số nhà 02, đường L, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn K và bà Trần Thị L; có vợ là Nguyễn Thị X và 02 con; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ ngày 10/4/2019; đến ngày 19/4/2019 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; có mặt.

- *Bị hại*: Công ty Cổ phần Giấy M, địa chỉ: khu 3, thị trấn L, huyện T tỉnh Thanh Hóa;

Người đại diện: Ông Nguyễn Văn L, giám đốc Công ty Cổ phần Giấy M; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải và Du lịch T, địa chỉ: thôn 16, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa;

Người đại diện: Ông Đỗ Xuân C, giám đốc Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải T; vắng mặt.

- *Người làm chứng*:

1. Anh Lê Văn K, sinh năm 1996, địa chỉ: khu phố T, phường Q, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

2. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1975; địa chỉ: khu 4, thị trấn L, huyện T tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

3. Anh Hoàng Văn H, sinh năm 1973, địa chỉ: khu 4, thị trấn L, huyện T tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đỗ Văn L và Nguyễn Mậu T đều là công nhân bốc xếp của Công ty cổ phần Giấy M(sau đây gọi là Công ty Giấy M), còn Trần Văn D là lái xe của Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải và Du lịch T(sau đây gọi là Công ty T). Do giữa Công ty T có ký hợp đồng vận chuyển giấy với Công ty Giấy M, nên D thường xuyên lái xe ô tô tải ra vào Công ty Giấy M để vận chuyển giấy theo hợp đồng.

Vào khoảng tháng 2 năm 2019 L thấy Công ty Giấy M có giấy cắt thừa, nên L bàn bạc với T và D sẽ trộm cắp giấy cắt thừa để đem đi bán , số tiền bán được sẽ chia nhau. Tối ngày 09/4/2019 Trần Văn D điều khiển xe ô tô tải biển kiểm soát 36C-104.60 đến Công ty Giấy M để vận chuyển giấy theo hợp đồng, trên xe còn có phụ xe là Lê Văn K. Do đã có sự bàn bạc từ trước , nên khoảng 18 giờ cùng ngày Trọng gọi điện cho D nói là Công ty có 02 cuộn giấy cắt thừa khi nào D vào nhận hàng thì sẽ lấy trộm đưa lên xe của D , đem ra ngoài bán, số tiền bán được sẽ chia nhau, được D đồng ý. Sau đó L và T gặp nhau cùng thống nhất khi nào T bốc hàng xong sẽ lấy trộm thêm 02 cuộn giấy đưa lên xe để bán. Khoảng 23 giờ cùng ngày,

D và K điều khiển xe ô tô vào kho hàng của Công ty Giấy M để nhận hàng; T là người trực tiếp điều khiển xe nâng bốc 12 cuộn giấy theo hợp đồng lên xe, còn K đứng trên xe để xếp giấy. Khi nhận đủ 12 cuộn giấy, D điều khiển xe ô tô ra trạm cân để cân xác định trọng lượng của hàng hóa, còn K đi tìm người nâng giúp 02 cuộn bột lên xe. Sau khi cân xong, D lùi xe lại kho hàng và nhìn qua gương chiếu hậu để quan sát, lúc này Trọng bốc 02 cuộn giấy có tổng trọng lượng 1.370kg lên xe, còn L đứng phía ngoài gần cổng để canh gác; khi K quay trở lại xe ô tô để kéo bột thì đã thấy trên thùng xe có thêm 02 cuộn giấy nhưng không hỏi nguồn gốc của 02 cuộn giấy trên. Sau đó D, K điều khiển xe ô tô đi ra khỏi Công ty Giấy M, lúc này ông Nguyễn Văn L là giám đốc Công ty Giấy M phát hiện sự việc, nên điều khiển xe mô tô đuổi theo và yêu cầu D, K lái xe quay trở lại Công ty. Sau khi quay trở lại Công ty, D và K để xe ô tô lại Công ty và bỏ đi.

Nhận được tin báo tội phạm của Công ty Giấy M, Đoàn Công an Mục Sơn đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội qua tang đối với Đỗ Văn L và Nguyễn Mậu T; thu giữ 01 xe ô tô tại biên kiểm soát 36C-104.60, 02 cuộn giấy có trọng lượng 1.370kg, 01 điện thoại di động nhãn hiệu SamSung J7 của Trần Văn D để trên cabin xe, thu giữ của Nguyễn Mậu T 01 điện thoại di động nhãn hiệu SamSung J2. Đến ngày 10/4/2019, Trần Văn D đến Cơ quan CSĐT Công an huyện Thọ Xuân để đầu thú về hành vi phạm tội của mình.

Cơ quan CSĐT Công an huyện Thọ Xuân đã ban hành yêu cầu định giá đối với tang vật thu giữ là 02 cuộn giấy, có tổng T lượng 1.370kg. Tại bản kết luận định giá số 11/KLĐG ngày 16/4/2019 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện Thọ Xuân, kết luận: tài sản có giá trị là 13.700.000đ (mười ba triệu bảy trăm nghìn đồng).

Về trách nhiệm dân sự: Công ty Cổ phần Giấy M đã được nhận lại 02 cuộn giấy có trọng lượng 1.370kg và không yêu cầu các bị cáo phải bồi gì thương gì thêm.

Về tang vật thu giữ:

- Đối với 02 cuộn giấy có trọng lượng 1.370kg, sau khi định giá Cơ quan điều tra đã trả lại cho Công ty Giấy M
- Đối với phương tiện liên quan đến vụ án là 01 xe ô tô tại biên kiểm soát 36C-104.60, sau khi tạm giữ Cơ quan điều tra đã trả lại cho Công ty T
- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu SamSung J 2 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J7 là phương tiện Nguyễn Mậu T và Trần Văn D sử dụng liên lạc để trộm cắp tài sản; hiện đang được quản lý theo quy định.

Tại bản cáo trạng số 44/CT-VKSTX ngày 03/7/2019 Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân đã truy tố các bị cáo Đỗ Văn L, Nguyễn Mậu T và Trần Văn D về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đều thừa nhận hành vi vào ngày 09/4/2019 có trộm cắp của Công ty Giấy M 02 cuộn giấy, có trọng lượng 1.370kg đúng như nội dung Cáo trạng đã nêu và không có ý kiến gì về nội dung kết luận định giá.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Đỗ Văn L, Nguyễn Mậu T và Trần Văn D phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Về hình phạt đề nghị: áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Đỗ Văn L từ 15 tháng đến 18 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 tháng đến 36 tháng; xử phạt các bị cáo Nguyễn Mậu T và Trần Văn D mỗi bị cáo từ 14 tháng đến 17 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 28 tháng đến 34 tháng.

Về hình phạt bổ sung: đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: không xem xét.

Về vật chứng đề nghị: Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu SamSung J 2 (thu giữ của bị cáo T) và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J7 (thu giữ của bị cáo D).

Về án phí: buộc các bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Các bị cáo không có ý kiến tranh với luận tội của Đại diện Viện kiểm sát; lời nói sau cùng các bị cáo nhận tội và xin được giảm nhẹ mức hình phạt, được cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự; Không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Xét thấy lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời trình bày của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, lời khai của người làm chứng, Biên bản bắt người phạm tội quả tang, Biên bản khám nghiệm hiện trường, Kết luận định giá, vật chứng thu giữ được và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận: vào khoảng 23 giờ 30 phút, ngày 09/4/2019 Đỗ Văn L, Nguyễn Mậu T và Trần Văn D đã có hành vi lén lút chiếm đoạt của Công ty Cổ phần Giấy M 02 cuộn giấy, trọng lượng 1.370kg, có giá trị là 13.700.000đ (mười ba triệu bảy trăm nghìn đồng).

Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự; thực hiện hành vi phạm tội do cố ý. Do đó, hành vi của các bị cáo Đỗ Văn L, Nguyễn Mậu T và Trần Văn D đã phạm vào tội "trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173

Bộ luật hình sự. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật như trên là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: Trong vụ án này các bị cáo chỉ vì muốn có tiền để tiêu xài cá nhân, khi thấy có sự lơ là, mất cảnh giác của người quản lý, bảo vệ tài sản trong công ty mình làm việc, đã bất chấp pháp luật để chiếm đoạt tài sản của công ty. Vụ án xảy ra đã gây nên tâm lý hoang mang, bất bình trong nhân dân, đồng thời gây mất trật tự trị an, làm ảnh hưởng đến sự an toàn xã hội. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Do vậy, việc đưa vụ án ra xét xử đối với các bị cáo và lên một mức án nghiêm minh tương xứng với tính chất, mức độ và hậu quả gây ra là cần thiết nhằm cải tạo, giáo dục các bị cáo cũng như đáp ứng yêu cầu đấu tranh, phòng ngừa tội phạm nói chung.

[4] Đánh giá vai trò của các bị cáo trong vụ án: Trong vụ án này các bị cáo tuy có việc bàn bạc và sự thống nhất ý chí, nhưng vụ án không có tính tổ chức mà chỉ là trường hợp đồng phạm giản đơn. Các bị cáo đều là người thực hành, trong đó bị cáo L là người rủ rê các bị cáo khác và làm nhiệm vụ cảnh giới, còn T trực tiếp lấy trộm tài sản đưa lên xe ô tô để D tìm cách đưa ra ngoài bán lấy tiền chia nhau, nên đánh giá các bị cáo có vai trò ngang nhau trong vụ án.

[5] Về nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo đều là người có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu và chưa có tiền án tiền sự. Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đều thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; ngoài ra người đại diện của bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo, nên các bị cáo L, T và D đều được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo D sau khi phạm tội đã tự nguyện ra đầu thú và khai báo về hành vi phạm tội của mình; các bị cáo D và T có thời gian tham gia quân đội Nhân dân Việt Nam, nên các bị cáo D và T còn được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6] Về hình phạt: Từ những phân tích, đánh giá nêu trên Hội đồng xét xử, xét thấy: các bị cáo L, T và D nhất thời phạm tội ít nghiêm trọng; các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, trong khi có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, là người có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, chưa có tiền án tiền sự, có nơi cư trú cụ thể rõ ràng và có khả năng tự cải tạo. Vì vậy, xét không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự, cho các bị cáo được hưởng án treo cũng đủ điều kiện để giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội, đồng thời thể hiện tính khoan hồng của pháp luật, tạo điều kiện cho các bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm.

[7] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo không có tài sản riêng, hoàn cảnh gia đình khó khăn, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản các bị cáo trộm cắp là 02 cuộn giấy, trọng lượng 1.370kg đã được thu hồi trả lại cho bị hại là Công ty Giấy M, người đại diện của công ty không có yêu cầu bồi thường gì, nên không xem xét.

[9] Về các tính tiết liên quan đến vụ án:

Quá trình điều tra, Đỗ Văn L, Nguyễn Mậu T và Trần Văn D có khai ngoài lần trộm cắp tài sản của Công ty Giấy M vào tối ngày 09/4/2019, thì trước đó từ khoảng tháng 2 năm 2019 L, D và T còn thực hiện trộm cắp giấy cắt thừa của Công ty Giấy M khoảng 3-4 lần, tuy nhiên không nhớ rõ thời gian, số lượng giấy trộm cắp; D khai số giấy trên D bán cho các xe tải ở dọc đường, nhưng không nhớ cụ thể biển số xe và người mua, số tiền bán giấy D chia cho L, T và K nhưng không nói cho K biết số tiền trên do trộm cắp mà có. Về phía Công ty Giấy M khẳng định không có giấy tờ, sổ sách ghi lại số giấy lẻ, đầu giấy thừa nên không xác định được số lượng giấy đã mất là bao nhiêu, nên Công ty không đề nghị xử lý. Do đó không có căn cứ để xử lý trách nhiệm đối với L, T và D về hành vi trộm cắp trước đó.

Đối với Lê Văn K, quá trình điều tra có thừa nhận vào đêm ngày 09/4/2019, nhìn thấy trên thùng xe tải có thêm 02 cuộn giấy, nhiều hơn so với khi bốc hàng giấy thành phẩm theo hợp đồng, tuy nhiên K không biết đó là giấy trộm cắp. Đối với những lần D đưa tiền cho K thì K chỉ nghĩ đó là tiền của Công ty T cấp phát cho D và K chi phí trong quá trình đi vận tải hàng hóa, chứ không biết là tiền D bán giấy trộm cắp. Do đó không có căn cứ xử lý trách nhiệm đối với Lê Văn K; đề nghị Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ, nếu có căn cứ xử lý trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

[10] Về tang vật thu giữ:

Đối với 02 cuộn giấy có trọng lượng 1.370kg, sau khi định giá Cơ quan điều tra đã trả lại cho Công ty Giấy M là phù hợp; Đối với phương tiện liên quan đến vụ án là 01 xe ô tô tải biển kiểm soát 36C-104.60 của Công ty T giao cho bị cáo D quản lý đi vận tải, chở hàng theo hợp đồng, không liên quan đến tội phạm, nên sau khi tạm giữ Cơ quan điều tra đã trả lại cho Công ty T là phù hợp.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu SamSung J 2 (thu giữ của bị cáo T) và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J7 (thu giữ của bị cáo D) là phương tiện các bị cáo T và D sử dụng liên lạc để trộm cắp tài sản, nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước. Vật chứng trên hiện đang được quản lý theo đúng quy định của pháp luật.

[11] Về án phí: các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[12] Về quyền kháng cáo: các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; Điều 17; điểm a khoản 1 Điều 47; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 106; Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn cứ vào Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Tuyên bố: các bị cáo Đỗ Văn L, Nguyễn Mậu T và Trần Văn D phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Đỗ Văn L 15 (mười lăm) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 30 (ba mươi) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Mậu T 14 (mười bốn) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 28 (hai mươi tám) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Trần Văn D 14 (mười bốn) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 28 (hai mươi tám) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Đỗ Văn L cho Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện T tỉnh Thanh Hoá; bị cáo Nguyễn Mậu T cho Ủy ban nhân dân xã X, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; bị cáo Trần Văn D cho Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về trách nhiệm dân sự: không xem xét.

3. Về xử lý vật chứng:

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu SamSung J2, số Imeil: 355213093693430, số Imeil2: 355214093693438 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J7, số Imeil: 353236077935701, số Imeil2: 353237077935709 (đều đã qua sử dụng). Hiện đang được quản lý tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân, theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 15/7/2019, Phiếu nhập kho số PNK 42 ngày 15/7/2019.

4. Về án phí: Các bị cáo Đỗ Văn L, Nguyễn Mậu T và Trần Văn D mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: các bị cáo Đỗ Văn L, Nguyễn Mậu T và Trần Văn D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2

Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Thọ Xuân;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Công an huyện Thọ Xuân;
- Chi cục THADS huyện Thọ Xuân;
- Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Minh Tiến